TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ K** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:06/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 01 - 2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ K – TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền

Các Hội thẩm nhân dân : Ông Nguyễn Chí Dựng

Bà Nguyễn Thị Lựu

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Hiền Lương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã K.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã K tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Ngày 28/01/2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thị xã K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 303/2021/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2022/QĐXX-ST ngày 13 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1984. Có mặt tại phiên tòa.

Địa chỉ: KDC An Trung, phường A, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: KDC N, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương.

Có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22 tháng 9 năm 2021 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày: Chị và anh Trần Văn Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu và được đăng ký kết hôn tại UBND xã H (nay là phường H) vào ngày 07 tháng 02 năm 2012.

Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do giữa chị và anh Q không có sự tin tưởng, cảm thông lẫn nhau. Anh Q gia trưởng, vợ chồng không có sự chia sẻ, thường xuyên va chạm, chửi bới chị. Đầu năm 2020 chị buộc phải làm đơn xin ly hôn anh Q, song vì thương con cùng có sự động viên khuyên bảo của gia đình, chị đã xin rút đơn về hàn gắn cùng anh Q. Song vợ chồng không còn sự tôn trọng, tình cảm đã hết, nên cuộc sống chung ngày một bế tắc. Giữa năm 2021 chị đã phải về nhà mẹ đẻ tại KDC An Trung, phường A ở, mọi quan hệ vợ

chồng giữa chị và anh Q hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể khắc phục được, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Q.

Anh Trần Văn Q trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị B vào ngày 07 tháng 02 năm 2012, được đăng ký kết hôn tại UBND phường H trên tinh thần tự nguyện. Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng với nhau về quan điểm sống, dẫn đến cuộc sống chung có nhiều va chạm. Năm 2020, chị B xin ly hôn, sau đó lại rút đơn về đoàn tụ, nhưng vợ chồng vẫn liên tục xảy ra cãi vã lẫn nhau. Tháng 8/2021, chị B bỏ về nhà mẹ đẻ ở, mọi quan hệ vợ chồng hoàn toàn bị cắt đứt từ đó. Nay chị B xin ly hôn, anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa đôi bên không thể hàn gắn, nên anh không còn ý kiến hòa giải quan hệ hôn nhân cùng chị B.

Về con chung: Chị B và anh Q có hai con chung là cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 02/10/2012 và cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 17/7/2014.

Về con riêng: Anh Q có một người con riêng là cháu Trần Thị Như Quỳnh, sinh năm 2006.

Nay chị B đề nghị việc nuôi dưỡng con chung giải quyết theo nguyện vọng của các cháu. Anh Q đề nghị xin được nuôi cả hai cháu. Anh Q và chị B đều tự nguyện không yêu cầu tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Đối với cháu Trần Thị Như Quỳnh, sinh năm 2006. Anh Q và chị B đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Trần Ngọc T có nguyện vọng xin được ở cùng chị B. Cháu Trần Ngọc Y có nguyện vọng xin được ở cùng anh Q.

Về tài sản chung, riêng, vay nợ: Chị B và anh Q đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương phường H cung cấp: Chị B và anh Q đăng ký kết hôn tại UBND phường H. Quá trình chung sống anh chị nảy sinh mâu thuẫn, hiện chị B không còn sống chung cùng anh Q. Nay chị B đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh Q và nuôi dưỡng con chung, thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, chị B có mặt giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Anh Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vắng mặt và không có quan điểm trình bày thêm.

Đại diện VKSND thị xã K phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng. Nguyên đơn và Bị đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật

tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Trần Văn Q.

- *Về con chung:* Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 02/10/2012 cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 17/7/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 01/2022 cho đến khi con chung trưởng thành. Chấp nhận sự tự nguyện của các bên về việc không yêu cầu giải quyết về việc cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Đối với con riêng: cháu Trần Thị Như Quỳnh, sinh năm 2006, đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng, nợ chung:* Không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn của chị Nguyễn Thị B đối với anh Trần Văn Q có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương. Quá trình Tòa án đưa vụ án ra xét xử anh Trần Văn Q có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, TAND thị xã K áp dụng khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Văn Q là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B kết hôn với anh Trần Văn Q trên tinh thần tự nguyện, được đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét nguyên nhân gây mâu thuẫn dẫn tới việc chị B đề nghị xin ly hôn anh Q, chủ yếu là do vợ chồng bất đồng với nhau về quan điểm sống, thiếu lòng tin, sự tôn trọng đối với nhau. Dẫn đến cuộc sống chung không có hạnh phúc. Năm 2020, chị B đã phải làm đơn xin ly hôn và tự rút đơn về đoàn tụ. Song mâu thuẫn vợ chồng không được hàn gắn, đôi bên khong còn tiếng nói chung. Giữa năm 2021 chị B phải dọn về nhà mẹ đẻ ở. Mọi quan hệ về tình cảm và kinh tế giữa chị B và anh Q bị cắt đứt. Quá trình giải quyết anh Q không có ý thức hòa giải.Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Những điều đó, chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị B và anh Q đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không thành, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B. Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để xử cho chị Nguyễn Thị B được ly hôn anh Trần Văn Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị B và anh Q có 02 con chung là Trần Ngọc T, sinh ngày 02/10/2012 và cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 17/7/2014. Về con riêng: Anh Q có một người con riêng là cháu Trần Thị Như Quỳnh, sinh năm 2006.

Xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của chị B và anh Q đều chính đáng và phù hợp với quy định của pháp luật. Để đảm bảo về quyền cũng như nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung, cũng như nguyện vọng của cháu T và cháu Y. Hiện anh Q còn đang nuôi dưỡng cả cháu Như Quỳnh, nên giao cháu T cho chị B và giao cháu Y cho anh Q nuôi dưỡng, để đảm bảo cho việc chăm sóc, giáo dục con chung là phù hợp.

Đối với cháu Trần Thị Như Quỳnh, đôi bên không yêu cầu, nên không đặt ra việc giải quyết là phù hợp.

[4] Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Chị B và anh Q không yêu cầu, nên cần chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, vay nợ chung: Đôi bên không yêu cầu, nên không giải quyết đặt ra giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án thì chị B phải nộp tiền án phí sơ thẩm ly hôn.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B.

1.Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị B và anh Trần Văn Q.

2. Về con chung: Giao con chung Trần Ngọc T, sinh ngày 02/10/2012 cho chị Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Trần Ngọc Y, sinh ngày 17/7/2014 cho anh Trần Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về con riêng: Cháu Trần Thị Như Quỳnh, sinh năm 2006, đôi bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

3.Về yêu cầu cấp dưỡng: Chấp nhận sự tự nguyện của chị B, anh Q không yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con chung.

4. Về chia tài sản, số nợ chung, riêng: Các bên không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị B phải nộp 300.000đ tiền án phí sơ thẩm ly hôn, nhưng được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền số: AA/2020/0001066 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã K. Chị B đã nộp đủ.

6. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị B được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn Q được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND thị xã K;
- Chi cục THADS thị xã K;
- UBND phường H;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ ,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hiền